

Số: 293/2020/QĐST-HNGĐ

Mỹ Tho, ngày 21 tháng 12 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN
CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 728/2020/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2020, giữa:

* Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm: 1977;

Địa chỉ: ấp B, xã T, TP M, tỉnh Tiền Giang.

* Địa chỉ: Bà Lê Thị P, sinh năm: 1981;

Địa chỉ: ấp B, xã T, TP M, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55 và Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 12 năm 2020 về việc các đương sự đã thật sự tự nguyện ly hôn và thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 12 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Ông Nguyễn Văn H và bà Lê Thị P.
2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

* Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm: 1977;

Địa chỉ: ấp B, xã T, TP M, tỉnh Tiền Giang.

* Địa chỉ: Bà Lê Thị P, sinh năm: 1981;

Địa chỉ: ấp B, xã T, TP M, tỉnh Tiền Giang.

3. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn H và bà Lê Thị P thống nhất

thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Hoài B, sinh ngày 12/5/2001 và Nguyễn Bảo N, sinh ngày 05/7/2004. Do cháu Nguyễn Hoài B đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau khi ly hôn ông bà thống nhất, giao cháu Nguyễn Bảo N cho ông H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông H không yêu cầu bà P cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 150.000 đồng, ông Nguyễn Văn H tự nguyện nộp, ông H đã nộp 300.000 (*ba trăm ngàn*) đồng tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm theo biên lai thu số 0002301 ngày 26/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố M, nên được hoàn lại 150.000 (*một trăm năm mươi ngàn*) đồng.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND Tp M;
- CCTHA Tp M;
- UBND xã S, H C;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

Trần Thị Thúy Hằng